CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC
Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02403526066

TÀI LIỆU HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Bắc Giang, tháng 4 năm 2016

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

Bắc Giang, 8h00 ngày 28 tháng 4 năm 2016

Chủ toạ: Ông Nguyễn Tống Luận, Trưởng ban tổ chức

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
8h00 - 8h30	Đón tiếp Cổ đông, khách mời, đăng ký và kiểm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ.	Ban tổ chức
8h30 - 8h45	Thông qua: Chương trình đại hội; Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông; Ban kiểm phiếu; Quy chế làm việc tại đại hội.	Trưởng ban TC
8h45 - 8h50	Báo cáo xác nhận tư cách cổ đông.	Ban K. Tra tư cách CĐ
8h50 – 8h55	Chào cờ.	Ban tổ chức
8h55 - 9h00	Phát biểu khai mạc Đại hội	Chủ toạ
9h00- 9h20	- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 và Kế hoạch năm 2016. - Tờ trình Mức thù lao HĐQT, thư ký HĐQT, Ban Kiểm soát.	GĐ Công ty
9h20 - 9h30	- Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.	KTTC Công ty
9h30 - 9h50	- Báo cáo hoạt động của HĐQT 2015, chương trình hoạt động năm 2016. - Tờ trình sửa đổi Điều lệ công ty. - Tờ trình miễn nhiệm và bầu thay thế UV HĐQT	Chủ tọa Đại hội.
9h50 - 9h55	- Báo cáo công tác năm 2015 của Ban kiểm soát. - Tờ trình đề nghị chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016.	Trưởng Ban KS
9h55 - 10h25	Đại hội thảo luận các nội dung: 1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2015, chương trình hoạt động năm 2016. 2. Báo cáo kết quả hoạt động SX-KD 2015, Kế hoạch SX-KD năm 2016. 3. Báo cáo công tác năm 2015 của Ban kiểm soát. 4. Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán. 5. Sửa đổi Điều lệ công ty 6. Miễn nhiệm và bầu thay thế Ủy viên HĐQT 7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016. 8. Mức thù lao HĐQT, thư ký HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2016;	Chủ toạ điều hành, Cổ đông tham gia thảo luận
10h25 – 10h30	- Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung xin ý kiến	Chủ toạ điều hành
10h30 - 10h40	- Đại hội nghỉ giải lao.	
10h40 – 10h45	- Công bố kết quả biểu quyết thông qua các nội dung.	Trưởng ban kiểm phiếu
10h45 - 10h50	- Thông qua Nghị quyết ĐH, Biên bản ĐH.	Chủ toạ ĐH + Thư ký
10h50 - 11h00	- Tổng kết bế mạc đại hội. - Chào cờ	Chủ toạ đại hội Ban tổ chức

CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÁ CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2016

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: **Phạm vi áp dụng**

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc (sau đây gọi tắt là Công ty).

Điều 2: Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3: Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4: **Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông**

A. **Điều kiện tham dự**

Cổ đông là đại diện pháp nhân, cá nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên.

B. **Quyền của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội**

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quyết định của Điều lệ.
2. Được uỷ quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Ban tổ chức Đại hội sẽ thông báo công khai: toàn bộ nội dung chương trình Đại hội. Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền của mình. Tất cả các ý kiến tham gia đều được thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Tại Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo Thông báo mời họp, Giấy uỷ quyền (đối với đại diện cổ đông) nộp cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận một Phiếu biểu quyết (ghi số thứ tự cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của mình). Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.
5. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng Phiếu biểu quyết.
6. Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ toạ không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

C. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội:

1. Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.
2. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
3. Trong thời gian diễn ra Đại hội các cổ đông dự họp phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch , ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
4. Nghiêm túc chấp hành tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 5: **Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội, Ban kiểm phiếu**

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị đề cử và được thông qua Đại hội đông cổ đông. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội xác nhận thủ tục cổ đông đến họp; Phát các tài liệu và Thẻ biểu quyết; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Ban Kiểm phiếu do Hội đồng quản trị đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu có thể là cổ đông. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện cổ đông.
- Tổ chức kiểm phiếu số biểu quyết.
- Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6: **Quyền và nghĩa vụ của Chủ toạ và Thư ký**

1. Hội đồng quản trị Công ty đề cử: Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu để Đại hội thông qua.
2. Chủ tịch HĐQT là chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao.
4. Chủ tọa Đại hội tiến hành các công việc mà họ thấy là cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
5. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
   a. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp hoặc;
   b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
6. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn chủ tịch.

Chương III: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 06/3/2016.

Điều 8: **Cách thức tiến hành Đại hội**

Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung: (theo nội dung đã gửi cổ đông)

1. Nội dung chính của Đại hội cổ đông :

- Thông qua Ban kiểm tra tư cách cổ đông; Đoàn chủ tịch; Ban Thư ký; Ban kiểm phiếu.

- Thông qua chương trình Đại hội.
- Biểu quyết thông qua các nội dung đã được Đoàn chủ tịch trình bày.
- Thông qua Nghị quyết Đại hội.
- Thông qua Biên bản Đại hội.

2. Phát biểu ý kiến trong Đại hội

Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn chủ tịch (qua Thư ký Đại hội), khi phát biểu hoặc cần tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn chủ tịch nhất trí mới được phát biểu. Cổ đông phát biểu nội dung ngắn gọn tránh trùng lặp.

3. Thể lệ biểu quyết:

- Đại hội thông qua chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội, bầu Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu bằng biểu quyết giơ tay.

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền biểu quyết các vấn đề tại Đại hội bằng Phiếu biểu quyết, thông qua mỗi nội dung bằng việc đánh dấu vào Phiếu biểu quyết theo hướng dẫn ghi trên Phiếu biểu quyết.

- Các cổ đông, đại diện cho nhóm cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, quyền biểu quyết với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền.

- Kết quả biểu quyết Ban kiểm phiếu căn cứ vào các nội dung đã được Cổ đông dự họp đánh dấu trong Phiếu biểu quyết để tổng hợp và báo cáo Đại hội.

Chương IV: KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 9: **Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội cổ đông:**

Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong cuộc họp được thông qua theo quy định của Điều 20, Điều lệ Công ty

Điều 10: **Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông**

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký Đại hội ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào sổ biên bản của Công ty.

Chương V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11: Trên đây là Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ Phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc năm 2016. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC

Nguyễn Tống Luận

CÔNG TY CỔ PHẦN **HOÁ CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2016

(*Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016*)

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2015.

1. Tình hình chung.

Năm 2015, Công ty gặp phải một số khó khăn:

Việc thực hiện Kế hoạch SX-KD của Công ty bị ảnh hưởng rất lớn do việc cấp một số nguyên liệu đầu vào không đảm bảo theo kế hoạch từ dự án Đạm Hà Bắc.

Sản phẩm của công ty phải cạnh tranh với hàng ngoại nhập, vừa mới được thị trường chấp nhận, lại bị ảnh hưởng do không đủ sản phẩm cung cấp cho thị trường, nên giá bán chưa được như kỳ vọng.

Chi phí lãi vay, chi phí khấu hao tài sản cố định và khoản trích chênh lệch tỷ giá giữa đồng Đô la Mỹ và Việt Nam đồng, chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành sản phẩm đã ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Căn cứ vào tình hình thực tiễn, Hội đồng quản trị công ty đã có định hướng và đưa ra các quyết định chỉ đạo đưa Công ty vượt qua khó khăn, để hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty hoàn thành các mục tiêu đề ra.

2. Công tác chỉ đạo điều hành:

Năm 2015, thực hiện theo Điều lệ Công ty và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên giao, HĐQT đã triển khai các công việc sau:

2.1. Thông qua các quyết định theo Quy chế hoạt động của Công ty.

- Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015.
- Giao KH định mức nguyên nhiên vật liệu trong SX H2O2 năm 2015.
- Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015.

2.2. Chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh.

1. Công tác điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức:

- Chuẩn bị tốt các phương án vận hành; quản lý tốt lao động; củng cố các thiết bị vận hành, thiết bị dự phòng; tận dụng tối đa thời gian chạy máy còn lại của năm điều hành chạy máy với công suất và sản lượng cao, không để ngừng sản xuất do chủ quan; giám sát tốt chất lượng sản phẩm; giảm định mức tiêu hao (đặc biệt là điện, hơi nước, khí H2) đảm bảo SX-KD hiệu quả cao nhất.
- Làm tốt công tác phối hợp điều hành sản xuất với Đạm Hà Bắc để đảm bảo việc cung cấp nguyên liệu đầu vào đúng tiêu chuẩn chất lượng và ổn định theo hợp đồng đã ký.

2. Công tác thị trường:

- Cơ cấu lại thị trường tiêu thụ theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm ở miền Bắc để giảm chi trợ cước vận chuyển, chủ động kiểm soát thị trường, duy trì tốt thị phần.
- Điều chỉnh giá bán sản phẩm theo biến động tỷ gía và tín hiệu thị trường, Có chính sách chiết khấu bán hàng linh hoạt trong các thời điểm, theo điều kiện thực tế cụ thể.

3. Công tác kế hoạch, vật tư, tài chính:

   Tiết giảm các chi phí: kiểm soát chặt chẽ giá vật tư đầu vào; giảm tối đa lượng hàng hóa tồn kho; tạm dừng các khoản đầu tư chưa cần thiết;

4. Công tác lao động tiền lương: Cân đối bố trí lao động hợp lý, đảm bảo thu nhập cho người lao động

Năm 2015, Công ty đã đưa dây chuyền vào sản xuất, đạt sản lượng trên 90% công suất thiết kế. Sản phẩm sản xuất ra đến đâu đã tiêu thụ hết đến đó.

3. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2015.

Một số chỉ tiêu chính:

- Giá trị tổng sản lượng	56.314.559.000	đồng
- Sản lượng H_2O_2 (quy về nồng độ 50%)	**7.821**	Tấn
- Doanh thu bán hàng	58.646.931.000	đồng
- Lợi nhuận trước thuế	-9.426.440.000	đồng
- Nộp ngân sách	3.160.023.000	đồng

4. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, Ban điều hành.

Trong năm qua, HĐQT, Giám đốc công ty trong chỉ đạo điều hành tuân thủ nghiêm túc Điều lệ công ty, bám sát các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, biến động của thị trường để chỉ đạo, định hướng các hoạt động của Công ty. HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định, nếu thấy cần thiết HĐQT tổ chức các cuộc họp đột xuất để chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động SX-KD của Công ty.

HĐQT đã kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, đặc biệt vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động SXKD, báo cáo thường kỳ các hoạt động SXKD, tiến độ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch các vấn đề vướng mắc cần tháo gỡ. HĐQT đã đề nghị Giám đốc công ty báo cáo bổ sung một số vấn đề mà cổ đông quan tâm, minh bạch hóa các quan hệ có ảnh hưởng đến lợi ích của Cổ đông.

Năm 2015, Qua kiểm điểm các công tác thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên, HĐQT đã nhất trí đánh giá các thành viên hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các thành viên HĐQT làm việc với thái độ trung thực, khách quan,

không vụ lợi vì lợi ích của Công ty, thực hiện đúng theo các nội quy, cơ chế hoạt động của Công ty quy định.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2016.

1. Công tác điều hành SXKD.

- Chỉ đạo Công ty nhanh chóng làm chủ thiết bị dây chuyền vận hành đảm bảo các thông số kỹ thuật, đúng chất lượng theo thiết kế.

- Chỉ đạo đàm phán giảm lãi suất tiền vay trong điều kiện lãi suất ngân hàng giảm.

- Chỉ đạo Giám đốc công ty điều hành SX-KD cân đối sản xuất sản phẩm và xuất hàng ra thị trường đảm bảo thực hiện phương án có hiệu quả nhất và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra với 2 nhiệm vụ chính:

+ Chiếm lĩnh thị trường H_2O_2 miền Bắc trong nước.

+ Sản xuất ổn định, an toàn.

- Kiểm soát việc thực hiện các quy chế quản trị, quy chế tài chính Công ty.

- Phê duyệt và giao Kế hoạch SX_KD, định mức tiêu hao nguyên vật liệu chủ yếu và định biên lao động theo sát với khả năng điều kiện thực tế.

2. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2016.

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2016
1	Giá trị tổng sản lượng	1000 đồng	68.400.000
2	Sản lượng H_2O_2 (quy về nồng độ 50%)	tấn	9.500
3	Doanh thu bán hàng	1000 đồng	64.919.500
4	Lợi nhuận trước thuế	"	283.682
5	Nộp ngân sách nhà nước	"	2.702.641
6	Cổ tức (dự kiến)	%	0

Hội đồng quản trị công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó của các cổ đông. Chúng tôi hứa sẽ cùng Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty cố gắng hết sức để hoàn thành các mục tiêu vì sự phát triển của Công ty và lợi ích của cổ đông./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÁ CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bắc Giang, ngày ... tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trong năm 2015, Công ty có những thuận lợi, khó khăn sau:

1. Thuận lợi:

Người lao động của Công ty đã nắm được qui trình công nghệ sản xuất ôxy già, thiết bị dây chuyền vận hành ổn định, hiệu quả, sản phẩm của Công ty đã được thị trường chấp nhận.

Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị Công ty và sự hỗ trợ giúp đỡ của Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.

2. Khó khăn:

Công tác điều hành sản xuất luôn bị động, quỹ thời gian cho sản xuất của Công ty giảm do phụ thuộc vào tình hình thực tế cung cấp điện, hơi nước, khí nguyên liệu hydro từ Công ty Đạm, đây là nguyên nhân chính dẫn đến sản lượng sản xuất năm 2015 không đạt kế hoạch.

Chi phí lãi vay vốn đầu tư, các khoản chích dự phòng chênh lệch tỷ giá Đô la Mỹ trong năm 2015 rất lớn do biến động tỷ giá là nguyên nhân chính ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Giá một số hóa chất nhập khẩu tăng, giá điện, giá nguyên nhiên liệu đầu vào mua của Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tiếp tục tăng sau khi Dự án mở rộng nhà máy Đạm đi vào sản xuất, trong khi đó giá ôxy già nhập khẩu vẫn ổn định ở mức thấp.

Đó là những nguyên nhân chủ yếu trực tiếp ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2015 của Công ty.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh

a. Kết quả sản xuất kinh doanh:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2015	Thực hiện năm 2015	So với (%)	
					KH năm	Cùng kỳ
I	**Sản lượng sản phẩm**					
1	Sản lượng sản xuất (Quy 50%)	tấn	**8.800**	**7.821,47**	**88,9**	**84,0**

1.1	Ôxy già 50%	tấn	7.820	7.336,04	93,8	85,8
1.2	Ôxy già 35%	tấn	1.400	605,16	43,2	55,2
1.3	Ôxy già 27,5%	tấn	0	112,39	-	
2	Sản lượng tiêu thụ (Quy 50%)		8.800	8.042,00	91,4	**86,9**
2.1	Ôxy già 50%	tấn	7.820	7.540,44	96,4	88,7
2.2	Ôxy già 35%	tấn	1.400	628,21	44,9	58,1
2.3	Ôxy già 27,5%	tấn		112,39	-	
2.4	Đạm Urê	tấn	1.500	721,00	48,1	50,9
II	**Giá trị tổng sản lượng**	1000 đ	**63.360.000**	**56.314.559**	**88,9**	**84,0**
III	**Nộp Ngân sách nhà nước**	1000 đ	**2.492.521**	**3.160.023**	**126,8**	**103,9**
IV	**Giá trị sửa chữa lớn**	1000 đ				
V	**Đầu tư, xây dựng**					
1	Số hạng mục	Cái	2	1	50,0	100,0
2	Giá trị	1000 đ	795.455	345.455	43,4	203,2
VI	**Lao động tiền lương**					
1	Tổng số lao động BQ năm	người	71	70	98,4	99,1
1.1	Cán bộ quản lý	người	3	3	100,0	100,0
1.2	Người lao động	người	68	67	98,5	98,5
2	Tổng quỹ lương theo đơn giá	1000 đ	4.463.113	4.048.430	90,7	78,4
3	Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	5.469.501	5.047.918	92.3	83,3
VII	**Doanh thu bán hàng**	1000đ	**69.718.000**	**58.646.931**	**84,1**	**85,2**
	Trong đó: *Sản phẩn H_2O_2*	1000đ	58.648.000	52.964.271	90,3	91,4
VIII	**Lợi nhuận trước thuế**	1000đ	**511.550**	**-9.426.440**	-	-

b. Công tác điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức, chất lượng sản phẩm:

Công tác quản lý sản xuất: Trong năm 2015, Công ty duy trì sản xuất 236 ngày bằng 64,6% tổng quỹ thời gian năm và bằng 85% thời gian theo kế hoạch, có 20 lần dừng máy với 129 ngày, trong đó có 01 lần dừng máy theo kế hoạch để Công ty Đạm đấu phối Dự án với thời gian là 43 ngày, 13 lần dừng máy với 83 ngày do Công ty Đạm không cung cấp được nguyên nhiên liệu đầu vào cho sản xuất như điện, khí hydro, hơi nước, có 6 lần dừng máy với thời gian là 3 ngày do sự cố thiết bị, công nghệ của dây chuyền sản xuất ôxy già của Công ty. Công suất dây chuyền sản xuất Ôxy già của Công ty đạt được 33,1 tấn/ngày xấp xỉ bằng 100% công suất thiết kế.

Công tác quản lý công nghệ: Công nghệ sản xuất của Công ty được duy trì ổn định, quản lý tốt việc bổ sung hóa chất pha chế dịch công tác và thời điểm thay ôxít nhôm hoạt tính, góp phần cải thiện nâng cao chất lượng dịch công tác. Khi độ

hoạt hóa của xúc tác Paladi giảm, hiệu suất hydro hóa thấp, kết hợp với các đợt dừng máy của Công ty Đạm, Công ty đã 3 lần triển khai tái sinh xúc tác trong năm 2015.

Công tác quản lý thiết bị: Định kỳ triển khai công tác kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị như hệ thống xử lý khí cuối, quạt trục lưu nước tuần hoàn; Rửa vệ sinh bộ lọc nước RO bằng hóa chất, thay hạt resin công đoạn nước thuần, thay túi lọc các thiết bị lọc X1501, X1502, X1601AB, X1103B,C. Tiến hành sửa chữa thay thế mới bộ ngưng tụ máy lạnh M3401B và bộ làm lạnh dầu máy nén khí ly tâm, chuyển bộ điều khiển PLC máy nén khí ly tâm vào trong phòng thao tác để đảm bảo môi trường làm việc của thiết bị, mua mới 01 bộ PLC để dự phòng cho sản xuất. Vệ sinh thiết bị công đoạn xử lý sau, tháp giải nhiệt tuần hoàn, thiết bị trao đổi nhiệt E1103. Vệ sinh mù dầu, lọc không khí cửa vào máy nén không khí ly tâm. Vệ sinh lọc dầu, thay lọc dầu, thay dầu thiết bi turbine giãn nở. Kiểm tra, vệ sinh các tủ điều khiển, bộ lọc giảm áp; van điện từ, điều tiết; dịch diện; máy cắt trung thế, tủ DCS, MCC máy biến áp. Sơn chống gỉ lại các cột giá đỡ đường ống, lan can và các vị trí bị han gỉ, lợp mái tôn chống dột trạm máy nén khí và chế Nitơ. Công tác duy tu bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị được thực hiện vào các đợt dùng máy của Công ty Đạm nên đã tận dụng được tối đa quỹ thời gian cho sản xuất, máy móc thiết bị của dây chuyền hoạt động ổn định, đạt các thông số kỹ thuật, đáp ứng được yêu cầu của sản xuất.

Các định mức tiêu hao chủ yếu như điện, hơi nước, khí nguyên liệu hydro, hydrocacbon thơm, ôxít nhôm hoạt tính đều thấp hơn định mức kế hoạch được giao, riêng định mức EAQ và TOP cao hơn định mức kế hoạch giao. Nguyên nhân định mức EAQ cao là do xúc tác đã đến giai đoạn cuối, còn TOP cần bổ sung vào hệ thống để đảm bảo yêu cầu công nghệ. Giá trị tiết kiệm do giảm định mức tiêu hao năm 2015 là 1,745 tỷ đồng so với định mức kế hoạch giao, trong đó tiết kiệm định mức điện, hơi nước và khí Hydro nguyên liệu là 1,636 tỷ đồng, được Hội đồng quản trị Công ty thưởng 163,6 triệu đồng.

Chất lượng sản phẩm ôxy già cung cấp cho khách hàng luôn ổn định, đạt các chỉ tiêu theo tiêu chuẩn TCCS 01:2011/HPCO đã công bố, tương đương tiêu chuẩn GB1616-2003 của Nhà nước Trung Quốc, đã được thị trường trong nước chấp nhận.

c. Công tác thị trường, tiêu thụ sản phẩm, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu:

Duy trì phương thức bán hàng qua hệ thống các nhà phân phối của Công ty. Đến nay đang duy trì 5 nhà phân phối, ký hợp đồng bán hàng trực tiếp với 4 khách hàng và triển khai bán lẻ tại công ty.

Tiếp tục hỗ trợ các nhà phân phối của Công ty bán hàng bằng cách trực tiếp cùng nhà phân phối đến các hộ sử dụng sản phẩm Ôxy già để quảng bá sản phẩm và xúc tiến bán hàng. Trong năm 2015 do phải dừng máy nhiều lần, sản phẩm ôxy già của Công ty sản xuất ra không đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, Công ty phải cân đối và ưu tiên hàng cấp cho nhu cầu ở khu vực Miền Bắc và các khách hàng ký hợp đồng trực tiếp với Công ty để bán được giá cao, còn lại mới tiêu thụ

tại khu vực Miền Nam. Khi có kế hoạch dừng máy, Công ty đã thông báo kịp thời cho các nhà phân phối để có kế hoạch nhập khẩu ôxy già thay thế hàng của Công ty để giữ khách hàng, khi Công ty chạy lại máy có hàng có thể cấp lại được ngay.

Trong năm đã giao dịch với các đơn vị sử dụng và nhập khẩu Ôxy già bằng can để chào giá, triển khai bán hàng bằng can của Công ty nhằm chiếm lĩnh các thị trường sử dụng hàng nhập khẩu bằng can ở khu vực phía Bắc, xong do giá nhập khẩu ôxy già bằng can thấp, giá bán hàng can của Công ty chưa cạnh tranh được, chính vì vậy sản phẩm bán can của Công ty còn hạn chế.

Việc quảng bá sản phẩm và xúc tiến thương mại đã được Công ty đặc biệt quan tâm, Công ty tham gia hội chợ triển lãm Công thương khu vực Đông Bắc cùng với gian hàng của Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc nhằm quảng bá, giới thiệu sản phẩm ôxy già của Công ty, tiếp tục gửi hàng mẫu chào hàng cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng, lắng nghe các ý kiến phản hồi từ người sử dụng để từng bước ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm.

d. Công tác tổ chức sản xuất, quản lý lao động, tiền lương và đào tạo

Do phải dừng sản xuất nhiều lần vì không có nguyên liệu đầu vào nên việc làm và thu nhập của người lao động bị ảnh hưởng, trong năm 2015 có 7 trường hợp xin chấm dứt hợp đồng lao động chiếm gần 10% tổng số lao động của Công ty. Để đáp ứng yêu cầu về lao động cho sản xuất, Công ty phải cân đối, bố trí lao động hợp lý, tiếp tục triển khai công tác đào tạo để một người có thể đảm nhận được một số cương vị trong dây chuyền để thay thế nhau khi có người nghỉ. Thường xuyên duy trì kiểm tra kỷ luật lao động với việc chấp hàng nội quy, quy định của Công ty, kết hợp với việc tuyên truyền vận động người lao động tự giác chấp hành.

Tiền lương bình quân năm 2015 của người lao động công ty đạt 5.048.000 đ/ng/tháng, bằng 83,3% so với năm 2014. Triển khai xây dựng hệ thống thang bảng lương mới trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt, xây dựng lại quy chế trả lương mới phù hợp với tình hình thực tế, áp dụng thực hiện từ tháng 1/2016 nhằm góp phần ổn định tư tưởng và an tâm công tác cho người lao động, khuyến khích người lao đông hăng say lao động sản xuất.

e. Công tác kế hoạch, quản lý cung ứng vật tư, quản lý giá bán sản phẩm và tài chính

Công tác kế hoạch: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 do Công ty lập đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt và Đại hội Cổ đông thông qua. Kế hoạch hàng tháng, quý được xây dựng sát với thực tế từng thời điểm và được ban hành và triển khai thực hiện.

Công tác quản lý vật tư: Duy trì số lượng vật tư tồn kho hợp lý đáp ứng đủ cho sản xuất. Việc quản lý giá vật tư đầu vào đã được thực hiện tốt, đúng Quy định về công tác mua vật tư của Công ty. Vật tư đã qua sử dụng được thu hồi phân loại, vật tư thu hồi Công ty không có nhu cầu sử dụng được bán để thu hồi vốn, trong năm đã bán thu hồi được 97,36 triệu đồng.

Công tác quản lý giá bán sản phẩm: Thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình nhập khẩu Ôxy già giúp cho Công ty xác định được giá bán hợp lý, bám sát biến động của thị trường để điều chỉnh giá bán hợp lý, trong năm 2015 đã 2 lần điều chỉnh tăng giá bán khi tỷ giá đô la Mỹ biến động tăng, 01 lần điều chỉnh chi phí hỗ trợ vận chuyển khi giá xăng dầu giảm, tạo được sự canh tranh với sản phẩm nhập khẩu và đã đạt mục tiêu tiêu thụ hết sản phẩm sản xuất ra.

Công tác tài chính và quản lý vốn: Lãi suất cho vay của các ngân hàng trong năm 2015 có xu hướng giảm so với đầu năm, Công ty đã chủ động thu xếp cân đối các nguồn vốn, đáo nợ kịp thời và đàm phán với Ngân hàng cho vay vốn để được hưởng lãi xuất thấp, cụ thể lãi vay vốn đầu tư giảm từ 6,5%/năm xuống còn 6%/năm, lãi vay vốn lưu động giảm từ 7,5%/năm xuống 6,5%/năm.

Cân đối nguồn thu để ưu tiên trả nợ gốc vay vốn đầu tư, trong năm 2015 đã trả nợ Ngân hàng được 571.000 Đô la Mỹ tương đương 12,7 tỷ đồng, giảm mức dư nợ vốn đầu tư từ 5,054 triệu Đô la Mỹ xuống còn 4,483 triệu Đô la Mỹ. Ngoài ra Công ty còn chích dự phòng chênh lệch tỷ giá vay vốn đầu tư bằng Đô la Mỹ là 10,2 tỷ đồng.

f. Công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh môi trường

Triển khai kiểm định thiết bị đường ống chịu áp, hiệu chỉnh thiết bị đo lường. Toàn thể người lao động của Công ty được đào tạo an toàn trước khi đảm nhận các cương vị sản xuất và được trang bị đầy đủ trang thiết bị an toàn, bảo hộ lao động khi làm việc và được tập huấn, huấn luyện phòng cháy chữa cháy theo định kỳ hàng năm.

Duy trì hoạt động của mạng lưới an toàn – vệ sinh viên và tổ sơ cấp cứu ban đầu, ban hành quy chế hoạt động mạng lưới an toàn – vệ sinh viên và triển khai hoạt động.

Công tác vệ sinh môi trường: Công ty đã ký và thực hiện hợp đồng xử lý chất thải nguy hại, hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt, định kỳ hàng quý tổ chức quan trắc môi trường, duy trì thường xuyên công tác vệ sinh máy móc thiết bị và nơi làm việc.

Trong năm có 12 sáng kiến, giải pháp tiết kiệm được xét công nhận với số tiền thưởng là 24 triệu đồng đã góp một phần giảm chi phí sản xuất cho Công ty.

PHẦN THỨ HAI
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2016
VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. Đặc điểm tình hình:

Các nguyên nhân sau sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty.

1. Quỹ thời gian cho sản xuất của Công ty hoàn toàn phụ thuộc vào khả năng cung cấp điện, hơi nước, khí nguyên liệu hydro của Công ty Đạm.

2. Thiết bị dây chuyền sản xuất của Công ty sau gần 5 năm đi vào hoạt động đã đến giai đoạn cần trung đại tu theo kế hoạch, xúc tác paladi đã đến cuối thời kỳ cần phải thay thế sẽ làm tăng chi phí sản xuất trong năm 2016 của Công ty.

3. Tỷ giá đồng Đô la Mỹ dự kiến tiếp tục biến động tăng, dẫn đến chi phí lãi vay vốn đầu tư, các khoản chích dự phòng chênh lệch tỷ giá sẽ vẫn ở mức cao, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. Mục tiêu, kế hoạch năm 2016.

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2016	So với thực hiện 2015 (%)
I	**Sản lượng sản phẩm**			
1	Sản lượng sản xuất (Quy 50%)	tấn	**9.500**	121,5
1.1	Ôxy già 50%	tấn	9.016	122,9
1.2	Ôxy già 35%	tấn	700	115,7
2	Sản lượng tiêu thụ (Quy 50%)	tấn	**9.500**	118,1
2.1	Ôxy già 50%	tấn	9.010	119,5
2.2	Ôxy già 35%	tấn	700	111,4
II	**Giá trị tổng sản lượng**	1000 đ	**68.400.000**	121,5
III	**Nộp Ngân sách nhà nước**	1000 đ	**2.702.641**	85,5
IV	**Lao động tiền lương**			
1	Tổng số lao động	người	71	101,7
1.1	Cán bộ quản lý	người	3	100,0
1.2	Người lao động	người	68	101,7
2	Tổng quỹ lương của người lao động	1000đ	4.907.914	121,8
3	Tiền lương BQ của người lao động	đ/ng/th	6.014.601	119,2
V	**Doanh thu tiêu thụ H2O2**	1000đ	64.919.500	122,6
VI	**Lợi nhuận trước thuế**	1000đ	**283.682**	-

2. Các giải pháp thực hiện:

2.1. Công tác điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức:

Khai thác tốt năng lực sản xuất của dây chuyền, chỉ đạo điều hành sản xuất linh hoạt, có kế hoạch sửa chữa củng cố thiết bị vào các đợt Công ty Đạm dừng máy, tận dụng tối đa quỹ thời gian khi Công ty Đạm sản xuất bình thường để duy trì sản xuất đạt sản lượng cao nhất.

Kiểm soát các định mức tiêu hao hóa chất, nguyên nhiên vật liệu, kiểm tra hệ thống đo lường đảm bảo phản ánh trung thực số liệu tiêu hao để phục vụ cho điều hành sản xuất và hạch toán nội bộ.

Triển khai thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị định kỳ theo kế hoạch, hạn chế không để xảy ra sự cố phải dừng máy sửa chữa.

Cấp phát vật tư cho sản xuất theo đúng định mức ban hành. Tiếp tục rà soát vật tư dự phòng đáp ứng cho sản xuất, không để phải ngừng máy do không có vật tư dự phòng thay thế. Có kế hoạch nhập khẩu vật tư chi tiết trong nước không có, triển khai tìm nguồn nhập khẩu để có chi tiết vật tư dự phòng cho sản xuất nhất là các thiết bị động đơn chiếc, không có dự phòng.

Triển khai kế hoạch đầu tư bổ sung 01 bộ lọc dịch công tác trước khi vào tháp hydro hóa trong quý II năm 2016 nhằm tăng tuổi thọ của xúc tác.

2.2 Công tác tiêu thụ:

Tiếp tục duy trì hệ thống nhà phân phối nhằm giữ vững thị trường đã tiếp cận được, cùng nhà phân phối tiếp cận với các khách hàng mới, sử dụng sản phẩm Ôxy già nhằm phát triển thị trường. Tiếp tục tìm kiếm và phát hiện các đơn vị sử dụng Ôxy già, thống kê nhu cầu sử dụng, xúc tiến chào hàng và hỗ trợ các nhà phân phối tiếp cận để bán hàng, ưu tiên nhu cầu sử dụng ở khu vực phía Bắc và khách hàng sử dụng ôxy già nồng độ 27,5% và 35%.

Cân đối lượng hàng sản xuất với tiêu thụ trên cơ sở không để thiếu hàng cung cấp cho thị trường Miền Bắc và khách hàng ký hợp đồng mua bán trực tiếp với Công ty, sản phẩm còn lại cung cấp cho thị trường Niềm Nam nhằm đạt được mục tiêu bán hết sản lượng sản xuất ra với doanh thu cao nhất. Tiếp tục triển khai bán sản phẩm đóng can của Công ty ở thị trường Miền Bắc để tiêu thụ nhằm khai thác thị trường các khách hàng quen dùng can, đôn đốc thanh toán tiền hàng, hạn chế tối đa tiền nợ đọng nhằm giảm lãi vay vốn lưu động.

Thường xuyên cập nhật thông tin về nhập khẩu Ôxy già, biến động của tỷ giá Đô la Mỹ và giá cả thị trường để có chính sách giá bán phù hợp với giá thị trường nhằm mục tiêu giữ ổn định và phát triển thị trường.

2.3 Công tác kế hoạch, vật tư, tài chính

Thường xuyên cập nhật diễn biến giá cả vật tư để xây dựng kế hoạch tháng, quý sát với thực tế nhằm điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Cân đối đảm bảo vật tư cho sản xuất với việc hạn chế tối đa lượng tồn kho nhằm giảm chi phí lãi vay vốn lưu động. Kiểm soát giá mua vật tư theo đúng quy định mua vật tư của Công ty.

Chú trọng công tác quản lý vốn vay nhằm giảm chi phí lãi vay vốn đầu tư. Xem xét biến động lãi suất vay vốn đầu tư trung và dài hạn bằng Đô la Mỹ và Đồng Việt Nam để lập phương án cơ cấu lại nguồn vốn vay đầu tư hợp lý mang lại hiệu quả cho Công ty.

2.4 Công tác tổ chức sản xuất, quản lý lao động, tiền lương và đào tạo

Tiếp tục chương trình đào tạo nâng cao trình độ để một người có thể đảm nhận được một vài cương vị sản xuất khác nhau, điền khuyết khi có người nghỉ.

Duy trì kiểm tra kỷ luật lao động và nội quy của Công ty, xử lý nghiêm khắc với các trường hợp vi phạm.

Trong năm 2016, Công ty tiếp tục cân đối nguồn thu để ưu tiên trả nợ, phấn đấu trả nợ gốc vay vốn đầu tư là 619.000 Đôla Mỹ tương đương 13,95 tỷ đồng, giảm mức dư nợ vốn đầu tư từ 4.483 triệu USD xuống còn 3,864 triệu Đôla Mỹ. Do các khoản trả nợ gốc, lãi vay vốn vay đầu tư và khoản trích dự phòng trượt giá Đô la Mỹ lớn nên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 không có lợi nhuận, do vậy Công ty vẫn chưa có nguồn để chia cổ tức. Công ty tiếp tục phấn đấu trả nợ gốc vốn vay đầu tư để giảm lãi vay, khi đó sản xuất kinh doanh của Công ty mới có hiệu quả và có nguồn để chia cổ tức trong các năm tới.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Nguyễn Xuân Bắc

Nơi nhận:
- HĐQT công ty;
- Lưu VT, NVTH.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

Bắc Giang, ngày 30 tháng 12 năm 2015

BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2015	KẾ HOẠCH NĂM 2016	SO VỚI NĂM 2015 (%)
A	B	C	1	2	3=2/1
I	**Sản lượng sản phẩm**				
1	**Sản lượng sản phẩm quy về nồng độ 50%**	**tấn**	**7.821,47**	**9.500**	121,5
1.1	Ôxy già 50%	tấn	7.336,04	9.016	122,9
1.2	Ôxy già 35%	tấn	605,16	700	115,7
1.3	Ôxy già 27,5%	tấn	112,39		0,0
2	**Sản lượng tiêu thụ H2O2 quy về nồng độ 50%**	**tấn**	**8.042,00**	**9.500**	118,1
2.1	Ôxy già 50%	tấn	7.540,44	9.010	119,5
2.2	Ôxy già 35%	tấn	628	700	622,8
2.3	Ôxy già 27,5%	tấn	112,39		
3	Sản lượng kinh doanh				
3.1	Đạm Urê	tấn	721,00	0	0,0
II	**Giá trị tổng sản lượng**	**1000 đ**	**56.314.559**	**68.400.000**	121,5
III	**Nộp Ngân sách nhà nước**	**1000 đ**	**3.160.023**	**2.702.641**	85,5
IV	**Giá trị sửa chữa lớn**	"	**0**	**12.004.813**	
V	**Đầu tư, xây dựng**	"			
1	Số hạng mục (thiết bị, công trình XD)	cái	1	1	100,0
2	Giá trị	1000 đ	345.455	480.000	138,9
VI	**Số sáng kiến đề tài khoa học**	**SK,ĐT**	**12**	**12**	100,0
1	Số sáng kiến, đề tài	SK,ĐT	12	12	100,0

A	B	C	1	2	3=2/1
VII	**Lao động tiền lương**				
1	Tổng số lao động BQ năm	Người/tháng	70	71	101,7
1.1	Cán bộ quản lý	người	3	3	100,0
1.2	Người lao động	người	67	68	101,7
2	Tổng quỹ lương theo đơn giá sản phẩm	1000 đ	4.048.430	4.907.914	121,2
1.1	Quĩ lương SXKD H2O2 của người lao động	1000 đ	4.028.526	4.907.914	121,8
1.2	Quĩ lương KD phân bón	1000	19.904	0	0,0
3	Tiền lương bình quân của người lao động theo đơn giá	đ/ng/th	5.047.918	6.014.601	119,2
VIII	**Giá trị tiết kiệm do giảm định mức tiêu hao**	**1000 đ**	**-1.745.632**	**-392.956**	22,5
IX	**Tổng dự toán chi phí**	1000 đ		**64.702.992**	
X	**Doanh thu**	**1000 đ**	**58.646.931**	**64.919.500**	110,7
	Trong đó: *Sản phẩn H2O2*	1000 đ	52.964.271	64.919.500	122,6
	Kinh doanh phân bón	1000 đ	5.682.660	0	0,0
XI	**Lợi nhuận trước thuế**	**1000 đ**	**-9.426.440**	283.682	-
XII	**Lợi nhuận năm 2015 để chia cổ tức**	đồng	0	0	-
1	Số cổ phần đang lưu hành	CP	8.400.000	8.400.000	-
2	Lợi nhuận để chia cổ tức các năm trước còn lại chưa chia	đồng	110.286.280	110.286.280	-
3	Cổ tức chưa chia của các năm trước	đồng/CP	13	13	-

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Nguyễn Xuân Bắc

T. PHÒNG NVTH

Lê Thanh Hiếu

aasc
since 1991

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

A member of HLB International

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 29
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 24 tháng 12 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tống Luận	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Bắc	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Ninh	Ủy viên
Ông Trần Văn Quế	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Toàn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Bắc	Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đoàn Như Thương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên
Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

Nguyễn Xuân Bắc
Giám đốc
Bắc Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2016

Số: 114/2016/BC.KTTC-AASC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được lập ngày 18 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Tại thời điểm 31/12/2015, Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh tổng số nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 9,85 tỷ đồng, lỗ lũy kế đến 31/12/2015 là 14,82 tỷ đồng. Những điều này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể cân đối được dòng tiền để thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do ảnh hưởng của vấn đề Công ty đang ghi nhận tăng thu nhập khác thay vì ghi giảm giá trị đầu tư cho khoản thu phạt nhà thầu theo hợp đồng EPC do chậm tiến độ và không đạt thông số đảm bảo của "Dự án công trình dây chuyền sản xuất nước oxy già công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50%" với số tiền là 3.315.038.851 đồng.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0285-2013-002-1

Vũ Xuân Tùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1942-2013-002-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**12.010.633.425**	**14.475.794.260**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**5.858.701.199**	**4.786.544.823**
111	1. Tiền		5.858.701.199	4.786.544.823
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**485.930.340**	**3.267.986.719**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	305.857.350	2.898.575.150
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		41.309.125	156.000.020
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	138.763.865	213.411.549
140	**IV. Hàng tồn kho**	**6**	**5.666.001.886**	**6.421.262.718**
141	1. Hàng tồn kho		5.666.001.886	6.421.262.718
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**171.633.079.803**	**188.949.447.571**
220	**II. Tài sản cố định**		**171.633.079.803**	**184.559.577.508**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	171.633.079.803	184.559.577.508
222	*- Nguyên giá*		*205.246.080.785*	*205.050.626.240*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(33.613.000.982)*	*(20.491.048.732)*
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**-**	**4.389.870.063**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	-	4.389.870.063
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**183.643.713.228**	**203.425.241.831**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**108.966.875.999**	**119.321.964.233**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**21.860.978.379**	**21.532.813.602**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	5.000.242.563	5.010.560.836
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		168.225.990	3.493.090
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	258.477.374	349.838.756
314	4. Phải trả người lao động		1.031.847.580	1.038.206.945
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	558.803.000	436.656.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	871.148.872	2.404.675.255
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	9	13.952.260.000	12.163.254.720
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		19.973.000	126.128.000
330	**II. Nợ dài hạn**		**87.105.897.620**	**97.789.150.631**
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	9	87.105.897.620	97.789.150.631
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**74.676.837.229**	**84.103.277.598**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**14**	**74.676.837.229**	**84.103.277.598**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		84.000.000.000	84.000.000.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*84.000.000.000*	*84.000.000.000*
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.501.266.000	5.501.266.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(14.824.428.771)	(5.397.988.402)
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*(5.397.988.402)*	*(5.898.895.313)*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*(9.426.440.369)*	*500.906.911*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**183.643.713.228**	**203.425.241.831**

Thân Thị Hà	Lê Anh Tuấn	Nguyễn Xuân Bắc
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Bắc Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**15**	**58.751.613.229**	**68.875.031.559**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**58.751.613.229**	**68.875.031.559**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**16**	**44.535.131.993**	**52.317.050.223**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**14.216.481.236**	**16.557.981.336**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	40.367.388	210.620.731
22	7. Chi phí tài chính	18	17.169.665.476	11.532.158.174
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*7.067.565.924*	*8.502.810.571*
25	8. Chi phí bán hàng	19	2.591.287.267	4.020.145.210
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	4.151.717.735	4.028.568.449
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(9.655.821.854)**	**(2.812.269.766)**
31	11. Thu nhập khác	21	234.460.403	3.316.071.074
32	12. Chi phí khác		5.078.918	2.894.397
40	**13. Lợi nhuận khác**		**229.381.485**	**3.313.176.677**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**(9.426.440.369)**	**500.906.911**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**(9.426.440.369)**	**500.906.911**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**22**	**(1.122)**	**60**

Thân Thị Hà	**Lê Anh Tuấn**	**Nguyễn Xuân Bắc**
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Bắc Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***(9.426.440.369)***	***500.906.911***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		13.271.952.250	13.149.558.671
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		10.102.099.552	1.775.099.023
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(267.912.843)	(210.620.731)
06	- Chi phí lãi vay		7.067.565.924	8.502.810.571
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***20.747.264.514***	***23.717.754.445***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.782.056.379	721.641.054
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		755.260.832	(2.169.788.766)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.352.613.703)	(5.343.707.142)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	4.424.967.985
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.067.565.924)	(8.664.808.178)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	200.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(106.155.000)	(42.500.000)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***15.758.247.098***	***12.643.759.398***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(345.454.545)	(4.654.245.710)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		227.545.455	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		40.367.388	210.620.731
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(77.541.702)***	***(4.443.624.979)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		24.457.073.555	47.192.098.156
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(39.063.550.775)	(70.633.482.071)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.071.800)	(3.240.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(14.608.549.020)***	***(23.444.623.915)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**1.072.156.376**	**(15.244.489.496)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**4.786.544.823**	**20.031.034.319**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**5.858.701.199**	**4.786.544.823**

Thân Thị Hà	**Lê Anh Tuấn**	**Nguyễn Xuân Bắc**
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Bắc Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 24 tháng 12 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 84.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 84.000.000.000 đồng; tương đương 8.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và buôn bán hóa chất, cụ thể H2O2
- Đại lý mua, bán, ký gửi phân bón phục vụ nông nghiệp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 29.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	92.972.082	184.170.640
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.765.729.117	4.602.374.183
	5.858.701.199	**4.786.544.823**

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

		31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
a)	**Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng**		
	- Công ty TNHH Trần Lê Anh	295.425.150	590.720.100
	- Công ty Cổ phần Pentaco Việt Nam	7.469.000	-
	- Công ty Cổ phần ứng dụng kỹ thuật Kukjea Việt Nam	2.922.400	2.130.000
	- Cty TNHH Hóa chất Tân Phú Cường	40.000	537.140.250
	- Công ty TNHH Hoá chất và Môi trường Vũ Hoàng	-	1.423.383.600
	- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Sản xuất Hóa chất Đắc Trường Phát	-	334.576.900
	- Công ty Cổ phần Khí Công nghiệp Long Biên	-	10.623.500
	- Công ty TNHH An Hòa	800	800
		305.857.350	**2.898.575.150**
b)	**Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán**		
	- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	305.857.350	2.898.575.150
		305.857.350	**2.898.575.150**

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	88.670.890	-
Tạm ứng	110.900.000	-	113.200.000	-
Phải thu khác	27.863.865	-	11.540.659	-
	138.763.865	-	**213.411.549**	-

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	4.793.127.227	-	4.075.352.067	-
Công cụ, dụng cụ	146.781.000	-	145.781.000	-
Thành phẩm	726.093.659	-	2.200.129.651	-
	5.666.001.886	-	**6.421.262.718**	-

7 . TSCĐ HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	**Cộng**
	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	26.054.643.113	178.675.983.127	150.000.000	170.000.000	205.050.626.240
- Mua trong năm	-	-	345.454.545	-	345.454.545
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(150.000.000)	-	(150.000.000)
Số dư cuối năm	**26.054.643.113**	**178.675.983.127**	**345.454.545**	**170.000.000**	**205.246.080.785**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.613.184.609	17.724.558.568	150.000.000	3.305.555	20.491.048.732
- Khấu hao trong năm	1.206.598.392	11.929.225.431	102.128.431	33.999.996	13.271.952.250
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(150.000.000)	-	(150.000.000)
Số dư cuối năm	**3.819.783.001**	**29.653.783.999**	**102.128.431**	**37.305.551**	**33.613.000.982**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	23.441.458.504	160.951.424.559	-	166.694.445	184.559.577.508
Tại ngày cuối năm	**22.234.860.112**	**149.022.199.128**	**243.326.114**	**132.694.449**	**171.633.079.803**

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 171.257.059.240 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 53.636.364 VND

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư	-	4.389.870.063
	-	**4.389.870.063**

9 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	1.902.294.720	1.902.294.720	24.457.073.555	26.359.368.275	-	-
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	10.260.960.000	10.260.960.000	13.952.260.000	10.260.960.000	13.952.260.000	13.952.260.000
	12.163.254.720	**12.163.254.720**	**38.409.333.555**	**36.620.328.275**	**13.952.260.000**	**13.952.260.000**
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	108.050.110.631	108.050.110.631	5.712.229.489	12.704.182.500	101.058.157.620	101.058.157.620
	108.050.110.631	**108.050.110.631**	**5.712.229.489**	**12.704.182.500**	**101.058.157.620**	**101.058.157.620**
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(10.260.960.000)	(10.260.960.000)	(13.952.260.000)	(10.260.960.000)	(13.952.260.000)	(13.952.260.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	97.789.150.631	97.789.150.631			87.105.897.620	87.105.897.620

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn

Số hợp đồng	Ngân hàng	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2015	01/01/2015
					VND	VND
Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDHM/NHCT280-HP ngày 01 tháng 10 năm 2015	Ngân hàng Công thương Bắc Giang	VND	Từ 01/01/2015 đến 15/05/2015 lãi suất 7,5%/năm, từ 16/05/2015 đến 31/12/2015 lãi suất 6,5%/năm	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất hydrogen peroxide	-	1.125.294.720
Hợp đồng hạn mức số 152/14/HM/BG ngày 9 tháng 01 năm 2015	Ngân hàng Ngoại thương Bắc Giang	VND	Từ 01/01/2015 đến 14/08/2015 lãi suất 7%/năm, từ 15/08/2015 đến 31/12/2015 lãi suất 6,5%/năm	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất hydrogen peroxide	-	777.000.000
					-	1.902.294.720

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn

Số hợp đồng	Thời gian đáo hạn	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2015	01/01/2015
					VND	VND
0001-018-01/HĐTD tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang ngày 15/07/2010	07/09/2020	USD	Từ 01/01/2015 - 06/05/2015 lãi suất 6,5%/năm ; Từ 07/05/2015 đến 31/12/2015 lãi suất 6%/năm	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất hydrogen peroxide	50.554.492.660	55.577.613.383
01/10/ĐTDA/BG tại ngân hàng ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang ngày 15/07/2010	07/09/2020	USD	Từ 01/01/2015 - 07/06/2015 lãi suất 6,5%/năm ; Từ 08/06/2015 đến 31/12/2015 lãi suất 6%/năm	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất hydrogen peroxide	50.503.664.960	52.472.497.248
					101.058.157.620	108.050.110.631
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(13.952.260.000)	(10.260.960.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					**87.105.897.620**	**97.789.150.631**

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	4.974.815.563	4.974.815.563	4.603.753.336	4.603.753.336
- Công ty TNHH rượu Nước giải khát HaBa	25.427.000	25.427.000	6.413.000	6.413.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Nano ứng dụng	-	-	371.712.000	371.712.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ an ninh 365	-	-	23.100.000	23.100.000
- Công ty cổ phần EJC	-	-	5.582.500	5.582.500
	5.000.242.563	**5.000.242.563**	**5.010.560.836**	**5.010.560.836**
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
- Phải trả người bán ngắn hạn	5.000.242.563	5.000.242.563	5.010.560.836	5.010.560.836
	5.000.242.563	**5.000.242.563**	**5.010.560.836**	**5.010.560.836**
c) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)	**4.974.815.563**	**4.974.815.563**	**4.603.753.336**	**4.603.753.336**

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	346.755.405	5.335.221.986	5.423.520.307	258.457.084
Thuế thu nhập cá nhân	3.083.351	19.215.527	22.278.588	20.290
Thuế đất phi nông nghiệp	-	2.193.480	2.193.480	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các loại thuế khác	-	3.814.840	3.814.840	-
	349.838.756	**5.363.445.833**	**5.454.807.215**	**258.477.374**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí hỗ trợ vận chuyển cho khách hàng	558.803.000	436.656.000
	558.803.000	**436.656.000**

13 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	14.010.680	18.328.010
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	900.000	900.000
Phải trả khách hàng tiền hỗ trợ vận chuyển	-	749.188.364
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	576.280.480	578.352.280
Vật tư nhập kho chưa thanh toán	45.819.275	718.662.795
Quỹ thưởng BGĐ và các quỹ công đoàn	124.166.572	131.516.572
Thù lao HĐQT, BKS, TK HĐQT	57.957.524	62.157.524
Các khoản phải trả, phải nộp khác	52.014.341	145.569.710
	871.148.872	**2.404.675.255**

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cộng
	VND	VND	VND	VND	**VND**
Số dư đầu năm trước	**84.000.000.000**	**5.501.266.000**	**(5.898.895.313)**	**-**	**83.602.370.687**
Tăng vốn trong năm trước					-
Lãi trong năm trước			500.906.911	-	500.906.911
Số dư cuối năm trước	**84.000.000.000**	**5.501.266.000**	**(5.397.988.402)**	**-**	**84.103.277.598**
Số dư đầu năm nay	**84.000.000.000**	**5.501.266.000**	**(5.397.988.402)**	**-**	**84.103.277.598**
Lỗ trong năm nay			(9.426.440.369)		(9.426.440.369)
Số dư cuối năm nay	**84.000.000.000**	**5.501.266.000**	**(14.824.428.771)**	**-**	**74.676.837.229**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015	Tỷ lệ	01/01/2015	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Công ty mẹ: Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	54.230.000.000	64,56%	54.230.000.000	64,56%
Vốn góp của các cổ đông khác	29.770.000.000	35,44%	29.770.000.000	35,44%
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	9.998.000.000	11,90%	9.998.000.000	11,90%
- Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	5.600.000.000	6,67%	5.600.000.000	6,67%
- Các cổ đông khác	14.172.000.000	16,87%	14.172.000.000	16,87%
	84.000.000.000	**100%**	**84.000.000.000**	**100%**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	84.000.000.000	84.000.000.000
- *Vốn góp đầu năm*	84.000.000.000	84.000.000.000
- *Vốn góp tăng trong năm*	-	-
- *Vốn góp giảm trong năm*	-	-
- *Vốn góp cuối năm*	84.000.000.000	84.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
- *Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước*	-	-
- *Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay*	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.400.000	8.400.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*8.400.000*	*8.400.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.400.000	8.400.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*8.400.000*	*8.400.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.501.266.000	5.501.266.000
	5.501.266.000	**5.501.266.000**

15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	5.682.660.000	10.888.771.239
Doanh thu bán thành phẩm	53.068.953.229	57.986.260.320
	58.751.613.229	**68.875.031.559**
Trong đó: Doanh thu Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)	38.798.500	-

16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.706.843.638	10.873.013.182
Giá vốn của thành phẩm đã bán	38.828.288.355	41.444.037.041
	44.535.131.993	**52.317.050.223**

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	40.367.388	210.620.731
	40.367.388	**210.620.731**

18 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.067.565.924	8.502.810.571
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.102.099.552	3.029.347.603
	17.169.665.476	**11.532.158.174**

19 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.467.255	613.013.481
Chi phí nhân công	285.608.616	345.049.774
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.999.996	3.305.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	91.884.000
Chi phí khác bằng tiền	2.267.211.400	2.966.892.400
	2.591.287.267	**4.020.145.210**

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	124.172.787	70.700.833
Chi phí nhân công	2.062.319.462	2.052.033.193
Chi phí khấu hao tài sản cố định	436.664.158	625.332.321
Thuế, phí, lệ phí	36.951.095	311.529.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	480.949.720	374.345.327
Chi phí khác bằng tiền	1.010.660.513	594.626.915
	4.151.717.735	**4.028.568.449**

21 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	227.545.455	-
Tiền phạt thu được	5.121.930	3.315.047.403
Thu nhập khác	1.793.018	1.023.671
	234.460.403	**3.316.071.074**

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(9.426.440.369)	500.906.911
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(9.426.440.369)	500.906.911
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.400.000	8.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(1.122)**	**60**

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.677.867.310	24.091.024.015
Chi phí nhân công	6.036.496.532	5.416.662.485
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.271.952.250	13.149.558.671
Chi phí dịch vụ mua ngoài	620.904.265	1.644.933.509
Chi phí khác bằng tiền	3.453.085.913	534.454.190
	44.060.306.270	**44.836.632.870**

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.858.701.199	-	4.786.544.823	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	444.621.215	-	3.111.986.699	-
	6.303.322.414	**-**	**7.898.531.522**	**-**

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	101.058.157.620	109.952.405.351
Phải trả người bán, phải trả khác	5.871.391.435	7.415.236.091
Chi phí phải trả	558.803.000	436.656.000
	107.488.352.055	**117.804.297.442**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.858.701.199	-	-	5.858.701.199
Phải thu khách hàng, phải thu khác	444.621.215	-	-	444.621.215
	6.303.322.414	**-**	**-**	**6.303.322.414**
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.786.544.823	-	-	4.786.544.823
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.111.986.699	-	-	3.111.986.699
	7.898.531.522	**-**	**-**	**7.898.531.522**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	13.952.260.000	87.105.897.620	-	101.058.157.620
Phải trả người bán, phải trả khác	5.871.391.435	-	-	5.871.391.435
Chi phí phải trả	558.803.000	-	-	558.803.000
	20.382.454.435	**87.105.897.620**	**-**	**107.488.352.055**
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	12.163.254.720	97.789.150.631	-	109.952.405.351
Phải trả người bán, phải trả khác	7.415.236.091	-	-	7.415.236.091
Chi phí phải trả	436.656.000	-	-	436.656.000
	20.015.146.811	**97.789.150.631**	**-**	**117.804.297.442**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

25 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường:	24.457.073.555	47.192.098.156

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường:	(39.063.550.775)	(70.633.482.071)

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ tập trung vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh H2O2 và chỉ phát sinh tại tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
Doanh thu bán hàng			
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	Công ty mẹ	38.798.500	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
Phải trả người bán			
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	Công ty mẹ	4.974.815.563	4.603.753.336

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	727.611.753	763.867.721

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			**Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC**			
Mã số	**Tên khoản mục**	**Số tiền**	**Mã số**	**Tên khoản mục**	**Số tiền**	**Thay đổi**
		VND			VND	VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**			
131	Phải thu của khách hàng	2.898.575.150	131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.898.575.150	-
132	Trả trước cho người bán	156.000.020	132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	156.000.020	-
135	Các khoản phải thu khác	100.211.549	136	Phải thu ngắn hạn khác	213.411.549	113.200.000
158	Tài sản ngắn hạn khác	113.200.000	155	Tài sản ngắn hạn khác	-	(113.200.000)
311	Vay và nợ ngắn hạn	12.163.254.720	320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12.163.254.720	-
312	Phải trả người bán	5.010.560.836	311	Phải trả người bán ngắn hạn	5.010.560.836	-
313	Người mua trả tiền trước	3.493.090	312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.493.090	-
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	349.838.756	313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	349.838.756	-
315	Phải trả người lao động	1.038.206.945	314	Phải trả người lao động	1.038.206.945	-
316	Chi phí phải trả	436.656.000	315	Chi phí phải trả ngắn hạn	436.656.000	-
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.404.675.255	319	Phải trả ngắn hạn khác	2.404.675.255	-
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	126.128.000	322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	126.128.000	-
334	Vay và nợ dài hạn	97.789.150.631	338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	97.789.150.631	-
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	84.000.000.000	411	Vốn góp của chủ sở hữu	84.000.000.000	-
			411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*84.000.000.000*	84.000.000.000
417	Quỹ đầu tư phát triển	4.125.950.000	418	Quỹ đầu tư phát triển	5.501.266.000	1.375.316.000
418	Quỹ dự phòng tài chính	1.375.316.000				(1.375.316.000)
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(5.397.988.402)	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(5.397.988.402)	-
			421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*	*(5.898.895.313)*	*(5.898.895.313)*
			421b	*LNST chưa phân phối năm nay*	*500.906.911*	*500.906.911*

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			
Mã số	**Tên khoản mục**	**Số tiền**	**Mã số**	**Tên khoản mục**	**Số tiền**	**Thay đổi**
		VND			VND	VND
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
24	Chi phí bán hàng	4.020.145.210	25	Chi phí bán hàng	4.020.145.210	-
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.028.568.449	26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.028.568.449	-

Thân Thị Hà	**Lê Anh Tuấn**	**Nguyễn Xuân Bắc**
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
		Bắc Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2016

HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH
T: (84) 4 3824 1990 | **F**: (84) 4 3825 3973
E: aaschn@hn.vnn.vn
A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH
T: (84) 8 3848 5983 - (84) 8 3848 5776 | **F**: (84) 8 3547 1838
E: aaschcm@aasc.com.vn
A: Số 17 Sông Thương, Phường 2, Quận Tân Bình, Hồ Chí Minh

AASC TẠI QUẢNG NINH
T: (84) 33 3627 571 | **F**: (84) 33 3627 572
E: aascqn@aasc.com.vn
A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh

CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Căn cứ nhiệm vụ của Kiểm soát viên được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thông qua tại đại hội cổ đông thường niên năm 2014.

Căn cứ tình hình hoạt động và báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước ĐHĐCĐ về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015

PHẦN I
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ của HPCO trong việc quản trị, điều hành công ty:

- Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động của Hội đồng quản trị tương đối nề nếp, có kế hoạch cụ thể, duy trì các cuộc họp đúng quy định của điều lệ Công ty. Trong các cuộc họp có ra các nghị quyết để Giám đốc thực hiện. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đúng với pháp luật và phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty.

- Giám đốc công ty thực hiện tương đối nghiêm túc các nghị quyết của Hội đồng quản trị, một số công việc chưa thực hiện đều có báo cáo giải trình tại các cuộc họp của Hội đồng.

- Các phòng bộ phận chức năng của Công ty có sự phối hợp hoạt động tốt. Khối kỹ thuật sản xuất đã làm chủ được công nghệ sản xuất, sản xuất ổn định với chất lượng đảm bảo với sản lượng cao, định mức giảm so với định mức mà Hội đồng quản trị ban hành; khối nghiệp vụ đã chủ động nắm bắt những vấn đề kinh tế; đã chủ động bàn bạc với các Ngân hàng để điều chỉnh giảm lãi suất; cập nhật những quy định về hạch toán của Nhà nước để xây dựng báo cáo tài chính đúng chuẩn mực.

- Việc mở sổ kế toán, tổ chức hạch toán và lưu trữ chứng từ được Phòng kế toán của Công ty thực hiện đúng quy định.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Năm 2015, Ban Kiểm soát đã duy trì kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, của Giám đốc Công ty. Việc trao đổi công việc của các thành viên Ban kiểm soát chủ yếu thông qua các phương tiện như Điện thoại, internet:

- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản suất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, kế hoạch lao động tiền lương và thu nhập.

- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

- Giám sát việc sử dụng vốn kinh doanh của Công ty.

- Cử người tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Cho ý kiến về các vấn đề liên quan đến hạch toán kế toán, các biện pháp liên quan đến tiền lương, tiêu thụ sản phẩm và những ý kiến với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

3. Thực hiện thẩm tra báo cáo tài chính năm 2015:

3.1. Căn cứ thẩm tra báo cáo tài chính của công ty.

Báo cáo tài chính năm 2015 do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện. Bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

3.2. Kết quả thẩm tra báo cáo tài chính năm 2015

- Ban kiểm soát xác nhận: Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán được lập theo đúng quy định của Luật kế toán và các quy định của chuẩn mực kế toán đủ độ tin cậy.

- Những chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2015:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (DẠNG RÚT GỌN)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ 31/12/2015	Số đầu kỳ 01/01/2015	Chênh lệch
(a)	*(1)*	*(2)*	*(3)=(1)-(2)*
TÀI SẢN			
A. Tài sản ngắn hạn	**12.010.633.425**	**14.475.794.260**	**(2.465.160.835)**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.858.701.199	4.786.544.823	1.072.156.376
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	485.930.340	3.267.986.719	(2.782.056.379)
IV. Hàng tồn kho	5.666.001.886	6.421.262.718	(755.260.832)
V. Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
B. Tài sản dài hạn	**171.633.079.803**	**188.949.447.571**	**(17.316.367.768)**
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
II. Tài sản cố định	171.633.079.803	184.559.577.508	(12.926.497.705)
III. Bất động sản đầu tư	-	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	-	4.389.870.063	(4.389.870.063)
Tổng cộng tài sản	**183.643.713.228**	**203.425.241.831**	**(19.781.528.603)**
NGUỒN VỐN			
A. Nợ phải trả	**108.966.875.999**	**119.321.964.233**	**(10.355.088.234)**
I. Nợ ngắn hạn	21.860.978.379	21.532.813.602	328.164.777
II. Nợ dài hạn	87.105.897.620	97.789.150.631	(10.683.253.011)
B. Vốn chủ sở hữu	**74.676.837.229**	**84.103.277.598**	**(9.426.440.369)**
I. Vốn chủ sở hữu	74.676.837.229	84.103.277.598	(9.426.440.369)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-
Tổng cộng nguồn vốn	**183.643.713.228**	**203.425.241.831**	**(19.781.528.603)**

KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Chênh lệch
(a)	*(1)*	*(2)*	*(3)=(1)-(2)*
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.751.613.229	68.875.031.559	(10.123.418.330)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.751.613.229	68.875.031.559	(10.123.418.330)
4. Giá vốn hàng bán	44.535.131.993	52.317.050.223	(7.781.918.230)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**14.216.481.236**	**16.557.981.336**	**(2.341.500.100)**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	40.367.388	210.620.731	(170.253.343)
7. Chi phí tài chính	17.169.665.476	11.532.158.174	5.637.507.302
Trong đó: Chi phí lãi vay	*7.067.565.924*	*8.502.810.571*	*(1.435.244.647)*
8. Chi phí bán hàng	2.591.287.267	4.020.145.210	(1.428.857.943)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.151.717.735	4.028.568.449	123.149.286
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**(9.655.821.854)**	**(2.812.269.766)**	**(6.843.552.088)**
11. Thu nhập khác	234.460.403	3.316.071.074	(3.081.610.671)
12. Chi phí khác	5.078.918	2.894.397	2.184.521
13. Lợi nhuận khác	**229.381.485**	**3.313.176.677**	**(3.083.795.192)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**(9.426.440.369)**	**500.906.911**	**(9.927.347.280)**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**(9.426.440.369)**	**500.906.911**	**(9.927.347.280)**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.122)	60	(1.182)

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN
(So với KHSXKD theo nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2015)

Chỉ Tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	Chênh lệch	%HT
1. Vốn điều lệ	84.000.000.000	84.000.000.000	0	100
2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.751.613.229	69.718.000.000	-10.966.386.771	84
Trong đó: Doanh thu H2O2	52.964.270.500	58.648.000.000	-5.683.729.500	90
Kinh doanh khác	5.787.342.729	11.070.000.000	-5.282.657.271	52
3. Lợi nhuận trước thuế	-9.426.440.369	511.550.000	-9.937.990.369	
4. Nộp ngân sách nhà nước	3.160.022.677	2.492.521.000	667.501.677	127
5. Chi trả cổ tức				

PHẦN II
NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2015 do việc cung cấp khí nguyên liệu của Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc không liên tục, quỹ thời gian cho sản xuất giảm là nguyên nhân không đạt sản lượng sản xuất theo kế hoạch đề ra ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong năm việc tăng tỷ giá dẫn đến chi phí hoạt động tài chính của Công ty tăng cao đồng thời với việc phải kết chuyển hết chênh lệch tỷ giá giai đoạn đầu tư làm cho Công ty không có lợi nhuận. Điều này ảnh hưởng đến việc bố trí vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và niềm tin của Cổ đông. Đề nghị Hội đồng Quản trị, Đại hội cổ đông có những quyết sách nhằm ổn định niềm tin cho nhà đầu tư và tạo vị thế cho Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

CÁC THÀNH VIÊN		**TRƯỞNG BAN**
Lê Thanh Hiếu	**Nguyễn Thị Thanh Vân**	**Đoàn Như Thương**

Nơi nhận:
- Hội đồng quản trị;
- Lưu VT, BKS.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT
HƯNG PHÁT HÀ BẮC
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 04 tháng 3 năm 2016

TỜ TRÌNH
V/v đề xuất danh sách các đơn vị kiểm toán để Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP HC HP

Căn cứ Luật doanh nghiệp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005.
Căn cứ điều lệ Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Ban kiểm soát Công ty căn cứ năng lực của các Công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại VN. Căn cứ yêu cầu của Công ty xin đề xuất danh sách các Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1-Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu- Hoàn Kiếm- Hà Nội
Tel: (84.4) 3824 1990 Fax: (84.4) 3825 3973
Email: webmaster@aasc.com.vn & aaschn@hn.vnn.vn
Website: http://www.aasc.com.vn

2- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam
Trụ sở chính: Tầng 11, Tòa nhà Sông Đà, ngõ 165, đường Cầu Giấy- Hà Nội
Điện thoại: (04).3767 2158 Fax (04).6267 0494
Website: http://www.vae.com.vn

3-Công ty TNHH Kiểm toán VACO
Địa chỉ Tầng 4, số 168 Đường Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3577 0781 Fax: (84-4) 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: http://www.vaco.com.vn

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Đoàn Như Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /TTr - HPCO	*Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2016*

TỜ TRÌNH
Đề nghị sửa đổi Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông -
Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông cho phép sửa đổi lại một số nội dung Điều lệ Công ty cho phù hợp với Luật Doanh Nghiệp và thực tế hiện nay tại Công ty.

Nội dung trước khi sửa đổi	Nội dung sau khi sửa đổi
Điều 1. Giải thích thuật ngữ Khoản 1. Mục b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;...	**Điều 1. Giải thích thuật ngữ** Khoản 1. Mục b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014; ...
Điều 11. Quyền của cổ đông Khoản 2, mục c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;...	**Điều 11. Quyền của cổ đông** Khoản 2, mục c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật doanh nghiệp 2014....
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông - Khoản 3, mục e: Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp... - Khoản 4, mục b: "..., Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp"; - Khoản 4, mục c: "..., Cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Mục d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp";	**Điều 13. Đại hội đồng cổ đông** - Khoản 3, mục e: Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp... -Khoản 4, mục b: "..., Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp"; -Khoản 4, mục c: "..., Cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Mục d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp";

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông Khoản 2. Mục m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;	**Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông** Khoản 2. Mục m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông Khoản 3. " ... Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, ...	**Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông** Khoản 3. " ... Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, ...
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông - Khoản 2. "... Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất năm (05) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	**Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông** - Khoản 2. "... Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị Mục 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức Giám đốc Công ty.	***Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị*** Mục 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch.
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị Mục 4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. ... Mục 6. "... Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. ..."	**Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị** Mục 4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. ... Mục 6. "... Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. ..."

Điều 29. Giám đốc điều hành, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành Khoản 1. Mục b. "... - Hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% đến dưới 50% so với vốn điều lệ của Công ty, Giám đốc phải trình HĐQT phê duyệt trước khi quyết định ký kết...."	**Điều 29. Giám đốc điều hành, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành** Khoản 1. Mục b. "... - Hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% đến dưới 50% so với vốn điều lệ (nhỏ hơn 35% tài sản) của Công ty, theo số liệu báo cáo năm tài chính gần nhất, Giám đốc phải trình HĐQT phê duyệt trước khi quyết định ký kết...."
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm. Khoản 2. Nhiệm kỳ: "Theo Điều 26 của Điều lệ này Giám đốc Công ty có thể là Chủ tịch Hội đồng quản trị." ...	**Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm.** Khoản 2. Nhiệm kỳ: bỏ đoạn này ...

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tống Luận

CÔNG TY CỔ PHẦN **HOÁ CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /TTr - HPCO	*Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2016*

TỜ TRÌNH
V/v chi phí hoạt động HĐQT, Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

1) Báo cáo chi phí hoạt động HĐQT, Ban kiểm soát năm 2015:

- Số tiền chi thù lao HĐQT:
  - + Thành viên HĐQT 66.000.000 đồng
  - + Thư ký HĐQT 4.800.000 đồng
- Số tiền chi thù lao Ban kiểm soát: 15.600.000 đồng
- *** Tổng cộng** **86.400.000** đồng

2) Kế hoạch chi phí hoạt động HĐQT, Ban kiểm soát năm 2016:

- Đề nghị mức thù lao HĐQT, Ban K.Soát năm 2016 như mức chi năm 2015.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tống Luận

CÔNG TY CỔ PHẦN **HOÁ CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /TTr - HPCO	*Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2016*

TỜ TRÌNH
V/v miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên HĐQT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 135 Luật Doanh Nghiệp 2014;

Theo Điểm đ, Khoản 2, Điều 14. Điều lệ của Công ty cổ phần Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc về Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông;

HĐQT công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông 2016:

1. Miễn nhiệm:

- Ông **Nguyễn Đức Ninh**, Ủy viên HĐQT đã thôi đại diện vốn góp của Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc, có đơn đề nghị rút khỏi HĐQT Công ty.

- Ông **Nguyễn Xuân Bắc**, Uỷ viên HĐQT, Giám đốc công ty đã thôi đại diện vốn góp của Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, do chuyển công tác có đơn đề nghị rút khỏi HĐQT Công ty.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT của hai ông có tên ở trên.

2. Bầu thay thế:

HĐQT Công ty giới thiệu 2 ứng viên là:

- Ông **Phạm Văn Trung**, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc được ủy quyền đại diện 30% vốn điều lệ Công ty.

- Ông **Phạm Hoàng Hưng**, được Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc ủy quyền đại diện 13,56% vốn điều lệ Công ty.

Có hồ sơ gửi các đại biểu Đại hội.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết nhất trí bầu hai ông có tên ở trên vào Ủy viên HĐQT thay thế hai vị vừa được miễn nhiệm.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tống Luận